

GỢI Ý NỘI DUNG ÔN TẬP KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ 2
MÔN ĐỊA LÍ 11 - NĂM HỌC 2023 – 2024

I. TRẮC NGHIỆM (4.0 điểm)

1. VỊ TRÍ ĐỊA LÍ, ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, DÂN CƯ VÀ XÃ HỘI LIÊN BANG NGA (20 câu)

a.Nhận biết (12 câu)

Câu 1. Lãnh thổ nước Liên bang Nga có diện tích là

- A. khoảng 11 triệu km².
B. khoảng 15 triệu km².
C. khoảng 17 triệu km².
D. khoảng 19 triệu km².

Câu 2. Ý nào thể hiện đúng nhất sự rộng lớn về lãnh thổ của Nga?

- A. Diện tích rộng nhất Thế giới, chiếm phần lớn Bắc Á.
B. Diện tích rất lớn, chiếm phần lớn diện tích đồng bằng Đông Âu.
C. Nằm trên cả hai châu lục Á và Âu.
D. Chiếm phần lớn đồng bằng Đông Âu và toàn bộ Bắc Á.

Câu 3: Đại bộ phận lãnh thổ Liên bang Nga thuộc khí hậu nào?

- A. Nhiệt đới. B. Cận nhiệt đới. C. Cận cực. D. Ôn đới.

Câu 4: Các loại khoáng sản của Liên bang Nga có trữ lượng lớn đứng đầu thế giới là

- A. dầu mỏ, than đá.
B. quặng sắt, khí tự nhiên.
C. khí tự nhiên, than đá.
D. quặng sắt, dầu mỏ.

Câu 5: Đại bộ phận dân cư Liên bang Nga tập trung ở

- A. phần lãnh thổ thuộc châu Âu.
B. phần lãnh thổ thuộc châu Á.
C. phần phía Tây.
D. phần phía Đông.

Câu 6: Ranh giới tự nhiên giữa hai châu lục Á-Âu trên lãnh thổ Liên bang Nga là

- A. dãy núi Uran. B. sông Ôbi. C. sông Ênitxây. D. sông Vonga.

Câu 7: Về mặt tự nhiên, ranh giới phân chia địa hình lãnh thổ nước Nga thành hai phần Đông và Tây là

- A. sông Ê – nít – xây. B. dãy núi Uran. C. sông Ô bi. D. sông Lê na.

Câu 8: Liên bang Nga giáp với các đại dương nào sau đây?

- A. Bắc Bắng Dương và Đại Tây Dương.
B. Bắc Bắng Dương và Thái Bình Dương.

- C. Đại Tây Dương và Thái Bình Dương.
D. Thái Bình Dương và Ấn Độ Dương.

Câu 9: Phần lớn địa hình phần lãnh thổ phía Đông của Liên bang Nga là

- A. núi và cao nguyên. B. đồng bằng và vùng trũng.
C. đồi núi thấp và vùng trũng. D. đồng bằng và đồi núi thấp.

Câu 10. Phần phía tây Liên bang Nga có địa hình chủ yếu là

- A. đồng bằng và bồn địa. B. núi và cao nguyên.
C. đồng bằng và cao nguyên. D. đồng bằng và núi thấp.

Câu 11. Hồ nước ngọt sâu nhất thế giới là hồ nào dưới đây?

- A. Hồ Victoria. B. Hồ Superior. C. Hồ Baikal. D. Biển Caspi.

Câu 12. Liên bang Nga là quốc gia đầu tiên

- A. đưa người lên sao Hỏa. B. đưa người đến Nam Cực.
C. đưa người lên vũ trụ. D. thử vũ khí hạt nhân.

b. Thông hiểu (8 câu)

Câu 1: Yếu tố quan trọng nhất làm cho vùng Đông Bắc Liên bang Nga có dân cư phân bố thưa thớt là

- A. địa hình chủ yếu là núi và cao nguyên. B. khí hậu lạnh giá.
C. địa hình chủ yếu là đầm lầy. D. đất đai kém màu mỡ.

Câu 2: Vấn đề về dân số mà Liên bang Nga đang quan tâm nhất hiện nay là

- A. dân số tăng nhanh. B. thiếu nguồn lao động.
C. tuổi thọ trung bình thấp. D. nhiều thành phần dân tộc.

Câu 3. Biểu hiện nào sau đây chứng tỏ Nga là một cường quốc văn hóa?

- A. Có nhiều nhà bác học thiên tài, nổi tiếng thế giới.
B. Có nghiên cứu khoa học cơ bản rất mạnh, tỉ lệ người biết chữ cao.
C. Có nhiều công trình kiến trúc, tác phẩm văn học, nghệ thuật có giá trị.
D. Là nước đầu tiên trên thế giới đưa con người lên vũ trụ.

Câu 4. Đặc điểm phân bố dân cư của Nga là

- A. tập trung chủ yếu ở đô thị và vùng đồng bằng Đông Âu.
B. tập trung chủ yếu ở đô thị và vùng đồng bằng Tây Xibia.
C. tập trung chủ yếu ở đô thị và vùng ven biển phía đông, phía bắc.
D. tập trung chủ yếu ở đô thị và vùng ven biên giới với các nước Liên Xô cũ.

Câu 5: Dân cư Liên bang Nga có đặc điểm nào sau đây?

- A. Có cơ cấu dân số trẻ. B. Số dân có xu hướng giảm.
C. Ít thành phần dân tộc. D. Mật độ dân số rất cao.

Câu 6: Dân cư Liên bang Nga có đặc điểm nào sau đây?

- A. Dân số tăng nhanh. B. Cơ cấu dân số trẻ.
C. Mật độ dân số thấp. D. Ít thành phần dân tộc.

Câu 7: Yếu tố tạo thuận lợi để Liên bang Nga tiếp thu thành tựu khoa học – kĩ thuật của thế giới là

- A. lực lượng lao động dồi dào. B. nền kinh tế năng động.
C. trình độ dân trí cao. D. tỉ lệ dân thành thị cao.

Câu 8: Ý nào sau đây **không đúng** với đặc điểm dân cư, dân tộc Liên Bang Nga?

- A. Dân số tăng nhanh. B. Dân số đông.
C. Tỉ lệ dân thành thị cao. D. Nhiều dân tộc.

2. KINH TẾ LIÊN BANG NGA (20 câu)

a. Nhận biết (14 câu)

Câu 1: Trồng trọt chiếm khoảng bao nhiêu % giá trị sản xuất nông nghiệp của Liên bang Nga?

- A. Khoảng 20%. B. Khoảng 30%. C. Khoảng 40%. D. Khoảng 50%.

Câu 2: Ngành đóng vai trò xương sống của nền kinh tế Liên Bang Nga là

- A. năng lượng. B. công nghiệp. C. nông nghiệp. D. dịch vụ.

Câu 3: Các vùng kinh tế quan trọng nhất của Liên bang Nga là

- A. vùng Trung ương, vùng Trung tâm đất đen, vùng U-ran, vùng Viễn Đông.
B. vùng Trung ương, vùng Trung tâm đất đen, vùng U-ran, vùng Đông Bắc.
C. vùng Tây Bắc, vùng Trung tâm đất đen, vùng U-ran, vùng Viễn Đông.
D. vùng Trung ương, vùng Đông Nam, vùng U- ran, vùng Viễn Đông.

Câu 4: Ở Nga, các ngành công nghiệp như năng lượng, chế tạo máy, luyện kim, khai thác gỗ và sản xuất giấy, bột xen-lu-lô được gọi là các ngành công nghiệp?

- A. Mới. B. Thủ công. C. Truyền thống. D. Hiện đại.

Câu 5: Ý nào sau đây là điều kiện thuận lợi nhất trong sản xuất nông nghiệp của Liên Bang Nga?

- A. Quỹ đất nông nghiệp lớn. B. Khí hậu phân hoá đa dạng.
C. Giáp nhiều biển và đại dương. D. Có nhiều sông, hồ lớn.

Câu 6: Loại hình vận tải nào có vai trò quan trọng nhất thúc đẩy sự phát triển của vùng Đông Xi-bia?

- A. Hàng không. B. Đường sắt. C. Đường biển. D. Đường sông

Câu 7: Hai trung tâm dịch vụ lớn nhất của Nga là

- A. Mát-xcơ-va và Vôn-ga-grát. B. Xanh Pê-téc-bua và Vôn-ga-grát.
C. Vôn-ga-grát và Nô-vô-xi-biéc. D. Mát-xcơ-va và Xanh Pê-téc-bua.

Câu 8: Công nghiệp của Liên Bang Nga là

- A. ngành xương sống của nền kinh tế.
B. ngành giữ vai trò thứ yếu.
C. ngành chiếm tỉ trọng nhỏ nhất trong cơ cấu kinh tế.
D. ngành đứng đầu thế giới.

Câu 9: Vùng U-ran có đặc điểm nổi bật là

- A. công nghiệp phát triển, nông nghiệp còn hạn chế.
B. phát triển công nghiệp khai thác khoáng sản, khai thác gỗ.
C. các ngành công nghiệp phục vụ nông nghiệp phát triển.
D. công nghiệp và nông nghiệp đều phát triển mạnh.

Câu 10: Vùng Viễn Đông có đặc điểm nổi bật là

- A. vùng kinh tế có sản lượng lương thực, thực phẩm lớn.
B. có dải đất đen phì nhiêu, thuận lợi cho phát triển nông nghiệp.
C. phát triển đóng tàu, cơ khí, đánh bắt và chế biến hải sản.
D. các ngành luyện kim, cơ khí, khai thác và chế biến dầu khí phát triển.

Câu 11: Vùng nào có kinh tế lâu đời, phát triển mạnh nhất Liên Bang Nga?

- A. Vùng Trung tâm đất đen. B. Vùng U – ran.
C. Vùng Viễn Đông. D. Vùng Trung ương.

Câu 12: Vùng kinh tế sẽ hội nhập vào khu vực Châu Á – Thái Bình Dương là

- A. vùng Trung tâm đất đen.
- B. vùng U – ran.
- C. vùng Viễn Đông.
- D. vùng Trung ương.

Câu 13: Lúa mì ở Liên Bang Nga được trồng chủ yếu ở khu vực nào dưới đây?

- A. Phía bắc đồng bằng Tây Xibia.
- B. Cao nguyên Trung Xi-bia.
- C. Vùng Viễn Đông.
- D. Đồng bằng Đông Âu.

Câu 14: Ngành xương sống của nền kinh tế Liên bang Nga là

- A. công nghiệp.
- B. nông nghiệp.
- C. dịch vụ.
- D. công nghiệp và dịch vụ.

b. Thông hiểu (6 câu)

Câu 1: Ngành công nghiệp mũi nhọn, hàng năm mang lại nguồn tài chính lớn cho Liên Bang Nga là

- A. công nghiệp hàng không – vũ trụ.
- B. công nghiệp khai thác dầu khí.
- C. công nghiệp luyện kim.
- D. công nghiệp quốc phòng.

Câu 2: Ý nào sau đây đúng với hoạt động ngoại thương của Liên Bang Nga?

- A. Giá trị xuất khẩu luôn cân bằng với giá trị nhập khẩu.
- B. Hàng xuất khẩu chính là thủy sản, hàng công nghiệp nhẹ.
- C. Hàng nhập khẩu chính là dầu mỏ, khí đốt.
- D. Tổng kim ngạch ngoại thương liên tục tăng.

Câu 3: Điểm nào sau đây **không** đúng với kinh tế Nga?

- A. Kinh tế đối ngoại là ngành khá quan trọng.
- B. Các ngành dịch vụ đang phát triển mạnh.
- C. Sản lượng nông nghiệp đứng hàng đầu thế giới.
- D. Công nghiệp khai thác dầu khí là ngành mũi nhọn.

Câu 4: Nội dung nào sau đây là khó khăn lớn nhất đối với nền sản xuất nông nghiệp của Liên bang Nga?

- A. Phần lớn lãnh thổ là đầm lầy, băng giá nên thiếu đất canh tác.
- B. Thời tiết, khí hậu quá sức khắc nghiệt nên sản xuất khó khăn.
- C. Dân số già nên thiếu lực lượng lao động cho sản xuất.
- D. Sông ngòi đóng băng thường xuyên nên thiếu nước tưới.

Câu 5. Nhận xét **không** đúng với ngành giao thông vận tải của Liên bang Nga?

- A. Có hệ thống giao thông vận tải tương đối phát triển với đủ các loại hình.
- B. Đường ô tô đóng vai trò quan trọng trong phát triển vùng đông Xi-bia.
- C. Có thủ đô Mátxcova nổi tiếng thế giới về hệ thống đường xe điện ngầm.
- D. Gần đây nhiều hệ thống đường giao thông được nâng cấp, mở rộng hơn.

Câu 6. Nhận định nào sau đây đúng với hoạt động ngoại thương của Liên bang Nga?

- A. Giá trị xuất khẩu luôn cân bằng với giá trị nhập khẩu.
- B. Hàng xuất khẩu chính là thủy sản, máy móc, thiết bị.
- C. Xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa lớn và luôn xuất siêu.
- D. Hàng nhập khẩu chính là dầu mỏ, khí tự nhiên và gỗ.

3. VỊ TRÍ ĐỊA LÍ, ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, DÂN CƯ VÀ XÃ HỘI NHẬT BẢN (20 câu)

a. Nhận biết (11 câu)

Câu 1. Nhật Bản nằm ở khu vực nào dưới đây?

- A. Đông Bắc Á. B. Tây Nam Á. C. Đông Nam Á. D. Bắc Á.

Câu 2. Nhật bản gồm có mấy đảo lớn nhất? Đó là những đảo nào?

- A. 1 (Hô-cai-đô). B. 2 (Hô-cai-đô và Hôn-su).
C. 3 (Hô-cai-đô, Hôn-su và Xi-cô-cư). D. 4 (Hô-cai-đô, Hôn-su, Xi-cô-cư và Kiu-xiu)

Câu 3. Ở phía đông và phía nam, Nhật Bản giáp với

- A. Đại Tây Dương. B. Bắc Băng Dương.
C. Thái Bình Dương. D. Ấn Độ Dương.

Câu 4. Đảo chiếm 61% tổng diện tích đất nước Nhật Bản là

- A. Hô-cai-đô. B. Hôn-su. C. Xi-cô-cư. D. Kiu-xiu.

Câu 5. Đâu là ngọn núi cao nhất Nhật Bản?

- A. Núi Aso. B. Núi Phú Sĩ. C. Núi Kita. D. Núi Tsukuba.

Câu 6. Độ cao trung bình của đồi núi ở Nhật Bản là bao nhiêu?

- A. 1500 m – 2000 m. B. 2000 m – 2500 m.
C. 2500 m – 3000 m. D. 3000 m – 3500 m.

Câu 7. Núi lửa của Nhật Bản chiếm khoảng bao nhiêu % núi lửa đang hoạt động trên thế giới?

- A. 5%. B. 10%. C. 15%. D. 20%.

Câu 8. Nhật Bản nằm trong đới khí hậu

- A. nhiệt đới. B. cận nhiệt đới. C. ôn đới. D. cận xích đạo.

Câu 9. Đâu là hồ lớn nhất Nhật Bản?

- A. Hồ Ku-ra-so. B. Hồ Si-cốt-sư. C. Hồ Bi-ôa. D. Hồ Baican.

Câu 10. Các loại khoáng sản có trữ lượng đáng kể hơn cả của Nhật Bản là

- A. dầu mỏ và khí đốt. B. sắt và mangan.
C. than đá và đồng. D. bôxít và apatit.

Câu 11. Năm 2020, số dân của Nhật Bản là bao nhiêu triệu người?

- A. 126,1 triệu người B. 126, 2 triệu người
C. 126, 3 triệu người D. 126, 4 triệu người

b. Thông hiểu (9 câu)

Câu 1. Chọn đáp án sai:

- A. Nhật Bản nằm trên vành đai lửa Thái Bình Dương nên chịu tác động của nhiều thiên tai, nhất là động đất và sóng thần, ảnh hưởng đến đời sống và sản xuất.
B. điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên của Nhật Bản không thực sự thuận lợi cho phát triển kinh tế - xã hội.
C. Nhật Bản là một đất nước có nhiều đồi núi, địa hình bị cắt xẻ phức tạp
D. Nhật bản nằm trong đới khí hậu nhiệt đới.

Câu 2. Đâu **không phải** là đặc điểm của đa số các sông ở Nhật Bản?

- A. Ngắn. B. Dốc. C. Dài. D. Tốc độ chảy lớn.

Câu 3. Biển Nhật Bản có nguồn hải sản phong phú là do

- A. có nhiều bão, sóng thần.
- B. có diện tích rộng nhất.
- C. nằm ở vùng vĩ độ cao nên có nhiệt độ cao.
- D. nằm ở nơi giao nhau của dòng biển nóng Cur-rô-si-ô và dòng biển lạnh Ôi-a-si-vô

Câu 4. Tác động nào **không** đúng với xu hướng già hóa dân số tới sự phát triển kinh tế - xã hội Nhật Bản?

- A. Tạo sức ép lớn lên quỹ phúc lợi xã hội.
- B. Nguồn lao động bổ sung dồi dào.
- C. Tuổi thọ trung bình của dân số tăng.
- D. Nguồn tích lũy cho tái đầu tư sản xuất giảm..

Câu 5. Đâu **không phải** là đặc điểm dân cư Nhật Bản?

- A. Số nam nhiều hơn số nữ
- B. Cơ cấu dân số già
- C. Tuổi thọ trung bình cao nhất thế giới.
- D. Tỷ lệ tăng dân số Nhật Bản rất thấp

Câu 6. Chọn đáp án sai:

- A. khoảng 60 % dân cư sống trên 3% diện tích đất nước Nhật Bản.
- B. dân cư phân bố đồng đều giữa các đảo và giữa các khu vực trên cùng một đảo.
- C. Nhật Bản có mật độ dân số cao.
- D. mức sống người dân đô thị ở Nhật bản cao.

Câu 7. Đâu là tín ngưỡng truyền thống trong văn hóa Nhật Bản?

- A. Đạo Shin-tô.
- B. Thiên Chúa giáo.
- C. Hồi giáo.
- D. Phật giáo.

Câu 8. Phát biểu nào sau đây **không** đúng với khí hậu của Nhật Bản?

- A. Lượng mưa tương đối cao.
- B. Thay đổi từ bắc xuống nam.
- C. Có sự khác nhau theo mùa.
- D. Chịu ảnh hưởng của gió mùa Đông Bắc.

Câu 9. Đâu **không phải** là nghệ thuật truyền thống của Nhật Bản?

- A. Cắm hoa I-kê-ba-na
- B. Đồ gỗ sơn mài
- C. Múa rối nước
- D. Gấp giấy, tranh in

Câu 10. Eo biển nào dưới đây **không** thuộc Nhật Bản?

- A. Eo Canmôn.
- B. Eo Ôxumi.
- C. Eo Malacca.
- D. Eo Chugaru.

II. TỰ LUẬN

1. LÝ THUYẾT

Câu 1. Trình bày hiện trạng các ngành công nghiệp của Nhật Bản.

- Ngành đóng tàu, sản xuất ô tô phát triển mạnh, chiếm khoảng 40% giá trị hàng công nghiệp xuất khẩu của Nhật. Sản xuất tàu biển chiếm 20% số tàu biển của thế giới mỗi năm, sản xuất ô tô chiếm 10% sản lượng thế giới. Phát triển mạnh Hôn-su, Xi-cô-cư.
- Công nghiệp điện tử - tin học đứng hàng đầu thế giới, sản phẩm điện tử tiêu dùng, máy tính, ti vi, chất bán dẫn, rô bốt chiếm 45% sản lượng của thế giới)
- Đang đầu tư mạnh các ngành năng lượng hạt nhân, năng lượng tái tạo; công nghiệp hàng không - vũ trụ, công nghệ sinh học và dược phẩm,...

Câu 2. Trình bày tình hình phát triển ngành thương mại của Nhật Bản.

- Nội thương đóng góp khoảng 13 - 14% GDP, Các hoạt động buôn bán chủ yếu diễn ra ở các chợ truyền thống, siêu thị, trung tâm thương mại, thương mại điện tử ngày càng đóng vai trò quan trọng.

- Ngoại thương:

+ Tổng giá trị xuất, nhập khẩu hàng hoá và dịch vụ đạt hơn 1 500 tỉ USD, Nhật Bản có mức xuất khẩu khá thấp so với quy mô GDP.

+ Các mặt hàng xuất khẩu chủ yếu là phương tiện giao thông, máy móc, thiết bị điện tử, thiết bị y tế, hoá chất, nhựa,...

+ Các mặt hàng nhập khẩu chính là năng lượng, nguyên liệu công nghiệp, sản phẩm nông nghiệp,...

+ Các đối tác thương mại chính là Hoa Kỳ, Trung Quốc, EU, các nước Đông Nam Á, Ô-xtrây-li-a,...

Câu 3. Phân tích đặc điểm địa hình và đất của Trung Quốc. Đặc điểm trên ảnh hưởng như thế nào đến sự phát triển kinh tế- xã hội Trung Quốc?

Thành phần tự nhiên	Đặc điểm	Ảnh hưởng đến phát triển kinh tế - xã hội
Địa hình và đất	- Địa hình rất đa dạng; trong đó núi, sơn nguyên, cao nguyên chiếm hơn 70% diện tích lãnh thổ. + Miền Đông có địa hình chủ yếu là đồng bằng và đồi núi thấp. Các đồng bằng châu thổ có đất phù sa màu mỡ; đồi núi thấp, chủ yếu là đất feralit. + Miền Tây tập trung nhiều dãy núi cao, sơn nguyên, cao nguyên, bồn địa và hoang mạc; địa hình hiểm trở và chia cắt mạnh. Loại đất phổ biến là đất xám hoang mạc và bán hoang mạc.	+ Miền Đông: Thuận lợi cho sản xuất nông nghiệp: trồng cây lương thực ở các đồng bằng; cây công nghiệp, cây ăn quả nhiệt đới và cận nhiệt ở các vùng đồi núi thấp. + Miền Tây điều kiện tự nhiên không thuận lợi cho sản xuất, chủ yếu là trồng rừng và trên các cao nguyên có thể phát triển đồng cỏ chăn nuôi gia súc.

Câu 4. Trình bày đặc điểm về cơ cấu dân số, sự phân bố dân cư và đô thị hoá của Trung Quốc. Các đặc điểm trên ảnh hưởng như thế nào đến sự phát triển kinh tế - xã hội Trung Quốc?

Đặc điểm	Ảnh hưởng phát triển kinh tế - xã hội
+ Cơ cấu dân số theo tuổi: Thời kì cơ cấu dân số vàng, số người trong tuổi lao động chiếm tỉ lệ cao. + Cơ cấu dân số theo giới: Tỉ lệ giới tính có sự chênh lệch khá lớn.	Ảnh hưởng tới đặc điểm nguồn lao động, ảnh hưởng tới cấu trúc dân số trong tương lai và các vấn đề xã hội của Trung Quốc
+ Phân bố dân cư: rất không đều, tập trung đông đúc ở khu vực phía đông và thưa thớt ở phía tây. Mật độ dân số khá cao (Năm 2020: 150 người/ km ²)	Chênh lệch về trình độ phát triển kinh tế - xã hội, khu vực phía tây có kinh tế và văn hoá lạc hậu hơn so với khu vực phía đông
+ Đô thị hoá: tốc độ nhanh, tỉ lệ dân thành thị vào loại cao (61%). Trung Quốc có nhiều thành phố có quy mô dân số trên 10 triệu người.	Công nghiệp hoá nông thôn đã làm thay đổi diện mạo các làng xã và mở rộng lối sống đô thị.

Câu 5. Trình bày đặc điểm ngành nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản của Trung Quốc.

- Đáp ứng nhu cầu của hơn 1,4 tỉ dân trong nước và hướng ra xuất khẩu, thu ngoại tệ.
- Cung cấp nguyên liệu có giá trị cho các ngành công nghiệp chế biến.
- Năm 2020, ngành nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản đóng góp 7,7% GDP, giải quyết việc làm cho khoảng 22% lực lượng lao động của đất nước.

Câu 6. Trình bày tình hình phát triển và phân bố ngành nông nghiệp Trung Quốc.

Các ngành	Sự phát triển	Phân bố
Nông nghiệp	* Trồng trọt là ngành chủ yếu, chiếm hơn 60% giá trị sản xuất nông nghiệp. - Cây lương thực giữ vị trí quan trọng trong ngành trồng trọt. - Cây công nghiệp, cây thực phẩm và cây ăn quả.	- Lúa mì: đồng bằng Đông Bắc, Hoa Bắc; - Lúa gạo: đồng bằng Hoa Trung và Hoa Nam. - Cây ăn quả: vùng đồi núi thấp phía đông nam.
	* Ngành chăn nuôi cũng được quan tâm phát triển.	- Lợn chủ yếu ở các vùng đồng bằng; - Cừu: các tỉnh thuộc vùng Đông Bắc, Hoa Bắc và ở các khu tự trị phía Tây.

Câu 7. Trình bày tình hình phát triển chung của ngành công nghiệp Trung Quốc.

- Nền công nghiệp có quy mô lớn (2020 chiếm 37,8% cơ cấu GDP), cơ cấu đa dạng với nhiều sản phẩm có sản lượng đứng đầu thế giới.
- Công nghiệp đang chuyển dịch theo hướng hiện đại hoá, gia tăng các ngành có hàm lượng khoa học- công nghệ cao.
- Các trung tâm công nghiệp lớn nhất của Trung Quốc tập trung ở miền Đông, đặc biệt là vùng duyên hải (Thượng Hải, Thâm Quyển, Bắc Kinh, Quảng Châu, Thiên Tân,...)

2. KỸ NĂNG

- a. Tính tốc độ tăng trưởng, cán cân xuất nhập khẩu.
- b. Vẽ và nhận xét biểu đồ kết hợp.
- c. Đọc bản đồ các trang về Nhật Bản, Trung Quốc.